

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ - ST
Ngày 11 - 3 - 2020
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Trí

Bà Lữ Phúc Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 540/2019/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Kim Y, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2019 và tại các lời khai tại Tòa án chị Bùi Kim Y (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh S chung sống như vợ chồng từ năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được, mặc dù gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng không có kết quả. Chị yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có con chung là Nguyễn Thái B, sinh ngày 24/11/2015, hiện cháu B đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung : Chị và anh S không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh S hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh S vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có bất cứ văn bản nào có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình thì chị Y có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Y đã được Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn S tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh S vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tranh chấp giữa chị Y và anh S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh S có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Y và anh S chung sống như vợ chồng từ năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, chị Y vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh S, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, đã sống ly thân. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử anh S không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại Tòa án để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Y và anh S không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy mối quan hệ hôn nhân giữa chị

Y và anh S không có giá trị pháp lý. Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa chị Y và anh S là vợ chồng.

Về con chung: Chị Y và anh S có con chung là Nguyễn Thái B, sinh ngày 24/11/2015, hiện đang sống với chị Y. Xét thấy, cháu B còn rất nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, sống với chị Y đã ổn định, hơn nữa anh S không có ý kiến gì về việc yêu cầu nuôi con nên việc giao cháu B cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y, giao cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 24/11/2015 cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Chị Y xác định chị và anh S không có tài sản chung và không có nợ chung, anh S không có ý kiến yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị Y và anh S có phát sinh tranh chấp thì chị Y và anh S có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Y phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Bùi Kim Y và anh Nguyễn Văn S là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho chị Bùi Kim Y được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 24/11/2015 đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Văn S không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Bùi Kim Y phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004925 ngày 05 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; Chị Y đã nộp đủ án phí.

Chị Bùi Kim Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo bản án của anh Nguyễn Văn S là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng